# BIỂU GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁC XÃ, PHƯỜNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, NHIỆM VỤ PHÁT SINH

*(Kèm theo Quyết định số: 1830/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **TỔNG CỘNG (I+II)** | **243.469,845** | | |
| **I** | **Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh** | **175.891,145** | | |
| 1 | Văn phòng Tỉnh ủy | 1.740,000 | | |
| - | Văn phòng Tỉnh ủy | 1.262,000 | Kinh phí sửa chữa một số hạng mục Phòng họp Ban chấp hành, trụ sở Tỉnh ủy: 863 triệu đồng; Kinh phí đầu tư sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh: 230 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ cho xe ô tô mới: 169 triệu đồng. | |
| - | Ban Nội chính Tỉnh ủy | 309,000 | Kinh phí mua sắm bàn ghế phòng tiếp công dân. | |
| - | Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh | 169,000 | Kinh phí nộp lệ phí trước bạ cho xe ô tô mới. | |
| 2 | Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn | 1.500,000 | Kinh phí "Thuê dịch vụ phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và công tác quản lý, điều hành" của Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn. | |
| 3 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | 14.971,700 | Kinh phí thực hiện xây dựng đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh: 290 triệu đồng; Kinh phí xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: 348 triệu đồng; Kinh phí xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: 451 triệu đồng; Kinh phí Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: 1.000 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ cho xe ô tô mới: 169 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 1.842 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 10.871,7 triệu đồng. | |
| 4 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | 983,000 | | |
| - | Văn phòng Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | 838,000 | Kinh phí tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và và công bố danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026: 219 triệu đồng; Kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội Nông dân (cũ) và Trụ sở Thuế cơ sở 5 (cũ): 450 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ xe ô tô: 169 triệu đồng. | |
| - | Trung tâm Văn hoá tỉnh | 145,000 | Kinh phí thi đua khen thưởng theo Nghị định số 152/2024/NĐ-CP: 60 triệu đồng; Kinh phí sửa xe ô tô: 85 triệu đồng. | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Sở Tài chính | 445,000 | Kinh phí chi trả các khoản cho tiếp nhận xe ô tô: 121 triệu đồng; Kinh phí chi trả thuê đơn vị tư vấn đấu thầu gói thầu mua sắm tập trung xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026: 156 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ cho xe ô tô mới: 168 triệu đồng. | |
| 6 | Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh | 92,000 | Kinh phí mua sắm cửa kính tự động tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công | |
| 7 | Sở Dân tộc và Tôn giáo | 30,000 | Kinh phí tổ chức kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác Dân tộc. | |
| 8 | Chi cục Hải quan khu vực VI | 1.200,000 | Kinh phí mua sắm trang thiết bị tài sản hỗ trợ thực hiện công tác thu ngân sách địa phương tại khu vực cửa khẩu và triển khai Đề án cửa khẩu thông minh. | |
| 9 | Sở Nội vụ | 18.131,000 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Thành lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Lạng Sơn: 1.000 triệu đồng; Kinh phí tổ chức đoàn nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về việc triển khai thí điểm Hệ thống đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: 24 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ xe ô tô: 169 triệu đồng; Kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quý III năm 2026: 6.938 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Đề án "Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng của UBND cấp huyện sau sắp xếp tổ chức bộ máy giai đoạn 2026 – 2030": 10.000 triệu đồng. | |
| 10 | Sở Công Thương | 1.404,000 | Kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Công Thương. | |
| 11 | Sở Y tế | 958,000 | | |
| - | Văn phòng Sở Y tế | 204,000 | Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa huyện Tràng Định: 86 triệu đồng; Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Sơn: 118 triệu đồng. | |
| - | Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh | 48,000 | Dự án Cải tạo, sửa chữa trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lạng Sơn. | |
| - | Trung tâm Pháp y tỉnh | 706,000 | Kinh phí giám định tư pháp: 581 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ hàng tháng giám định viên tư pháp và người giúp việc theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh: 125 triệu đồng. | |
| 12 | Sở Tư pháp (Văn phòng Sở) | 462,000 | Kinh phí tổ chức các hoạt động Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2025 của Cụm thi đua các tỉnh Miền núi biên giới phía Bắc: 201 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ đối với mua sắm xe ô tô dùng chung: 169 triệu đồng; Kinh phí đón tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu Sở Tư pháp tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc: 92 triệu đồng. | |
| 13 | Uỷ Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh | 2.191,000 | | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| - | Văn phòng Uỷ Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh | 1.516,000 | Kinh phí xây dựng chuyên mục phát sóng trên kênh LSTV và đăng tải trên Báo và PTTH Lạng Sơn: 180 triệu đồng; Kinh phí tổ chức Hội nghị thực hiện mô hình "Tháng nghe dân nói" của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh năm 2026: 155 triệu đồng; Kinh phí triển khai mô hình Zalo OA "Mặt trận số Xứ Lạng" Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 – 2030: 52 triệu đồng; Kinh phí mua sắm trang thiết bị của Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh: 777 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa trụ sở cơ sở 2 Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh (Liên đoàn Lao động tỉnh cũ): 183 triệu đồng; Kinh phí nộp lệ phí trước bạ đối với mua sắm xe ô tô dùng chung: 169 triệu đồng. | |
| - | Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn | 458,000 | Kinh phí tổ chức Hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đối thoại với nông dân năm 2026: 177 triệu đồng; Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết thi đua nông dân sản xuất kinh doanh giỏi giai đoạn 2022 - 2027: 232 triệu đồng; Kinh phí tham gia trưng bày nông sản tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX nhiệm kỳ 2026-2031: 49 triệu đồng. | |
| - | Tỉnh đoàn Lạng Sơn | 110,000 | Kinh phí tổ chức Đoàn đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Lạng Sơn tham gia Hoạt động tay trong tay thiếu nhi Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Tây) năm 2026: 58 triệu đồng; Kinh phí tổ chức Đoàn đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Lạng Sơn tham gia chương trình "Hành trình đỏ nghiên cứu học tập" tại Quảng Tây, Trung Quốc: 39 triệu đồng; Kinh phí tổ chức Đoàn công tác Tỉnh đoàn Lạng Sơn tham dự Hoạt động trồng cây gây rừng tại Sùng Tả, Quảng Tây, Trung Quốc: 13 triệu đồng. | |
| - | Hội Cựu chiến binh tỉnh Lạng Sơn | 70,000 | Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp khi thôi công tác Hội Cựu chiến binh | |
| - | Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Lạng Sơn | 37,000 | Kinh phí tổ chức Đoàn công tác Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Lạng Sơn đi công tác tại Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây,Trung Quốc | |
| 14 | Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh | 1.121,000 | Kinh phí nộp lệ phí trước bạ đối với mua sắm xe ô tô dùng chung: 169 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa một số phòng làm việc, phòng họp, khu vực hành lang, mái tôn của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: 952 triệu đồng. | |
| 15 | Bảo hiểm xã hội tỉnh | 122.747,000 | Kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quý III năm 2026 | |
| 16 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Lạng Sơn | 7.065,445 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 6.162 triệu đồng; Kinh phí thực hiện việc bảo trì hệ thống quan trắc hồ chứa nước Bản Lải: 903,445 triệu đồng | |
| 17 | Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ | 850,000 | Kinh phí sửa chữa, cải tạo Cơ sở 2 Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ | |
| **II** | **Các xã, phường** | **67.578,700** | | |
| 1 | Xã Hữu Lũng | 333,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 98 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 235 triệu đồng | |
| 2 | Xã Tuấn Sơn | 164,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2) | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 3 | Xã Tân Thành | 2.756,700 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 162 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 2.510 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 84,7 triệu đồng | |
| 4 | Xã Vân Nham | 277,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 211 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 66,1 triệu đồng | |
| 5 | Xã Thiện Tân | 244,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 157 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 87,6 triệu đồng | |
| 6 | Xã Yên Bình | 684,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 136 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 548,3 triệu đồng | |
| 7 | Xã Hữu Liên | 275,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 95 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 180,6 triệu đồng | |
| 8 | Xã Cai Kinh | 370,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 79 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 291,1 triệu đồng | |
| 9 | Xã Chi Lăng | 7.830,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 127 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 7.703,3 triệu đồng | |
| 10 | Xã Nhân Lý | 2.149,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 107 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 1.953 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 89,9 triệu đồng | |
| 11 | Xã Chiến Thắng | 835,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 164 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 671 triệu đồng; | |
| 12 | Xã Quan Sơn | 1.939,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 75 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 1.598 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 266,1 triệu đồng | |
| 13 | Xã Bằng Mạc | 977,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 139 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 516 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 322,3 triệu đồng | |
| 14 | Xã Vạn Linh | 512,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 173 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 339,8 triệu đồng | |
| 15 | Phường Tam Thanh | 48,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2) | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 16 | Phường Lương Văn Tri | 47,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2) | |
| 17 | Phường Kỳ Lừa | 153,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 125 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 28,8 triệu đồng | |
| 18 | Phường Đông Kinh | 163,700 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 88 triệu đồng; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn quý I và quý II/2026: 75,7 triệu đồng | |
| 19 | Xã Đồng Đăng | 1.219,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 111 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 1.040 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 68,1 triệu đồng | |
| 20 | Xã Cao Lộc | 170,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 114 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 56,6 triệu đồng | |
| 21 | Xã Công Sơn | 225,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 79 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 146,4 triệu đồng | |
| 22 | Xã Ba Sơn | 251,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 145 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 106,9 triệu đồng | |
| 23 | Xã Lộc Bình | 776,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 143 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 633,4 triệu đồng | |
| 24 | Xã Mẫu Sơn | 193,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 153 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 40,9 triệu đồng | |
| 25 | Xã Na Dương | 639,200 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 272 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 367,2 triệu đồng | |
| 26 | Xã Lợi Bác | 120,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2) | |
| 27 | Xã Thống Nhất | 462,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 191 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 271,8 triệu đồng | |
| 28 | Xã Xuân Dương | 323,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 85 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 238,8 triệu đồng | |
| 29 | Xã Khuất Xá | 183,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 130 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 53,1 triệu đồng | |
| 30 | Xã Đình Lập | 960,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 48 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 812,5 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 100,1 triệu đồng | |
| 31 | Xã Châu Sơn | 428,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 61 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 367,6 triệu đồng | |
| 32 | Xã Kiên Mộc | 844,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 97 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 747,3 triệu đồng | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 33 | Xã Thái Bình | 431,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 59 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 252 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 120,9 triệu đồng | |
| 34 | Xã Na Sầm | 7.907,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 134 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 1.213 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 6.508,3 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 52,5 triệu đồng | |
| 35 | Xã Văn Lãng | 184,200 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 106 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 78,2 triệu đồng | |
| 36 | Xã Hội Hoan | 209,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 131 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 78,1 triệu đồng | |
| 37 | Xã Thụy Hùng | 1.371,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 106 triệu đồng; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn quý II/2026: 143 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 763 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 272 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 87,9 triệu đồng | |
| 38 | Xã Hoàng Văn Thụ | 252,200 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 178 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 74,2 triệu đồng | |
| 39 | Xã Thất Khê | 3.421,500 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 167 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 2.178 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 1.040 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 36,5 triệu đồng | |
| 40 | Xã Đoàn Kết | 586,000 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 51 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024 là 422 triệu đồng và năm 2026: 113 triệu đồng | |
| 41 | Xã Tân Tiến | 2.285,700 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 83 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 2.104 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 98,7 triệu đồng | |
| 42 | Xã Tràng Định | 175,500 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 122 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 53,5 triệu đồng | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 43 | Xã Quốc Khánh | 5.944,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 203 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: năm 2024 là 462 triệu đồng và năm 2026: 4.336 triệu đồng; Kinh phí tiếp tục bố trí thanh toán các nhiệm vụ đã thực hiện, chưa có nguồn thanh toán: 844 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 99,4 triệu đồng | |
| 44 | Xã Kháng Chiến | 155,200 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 78 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 77,2 triệu đồng | |
| 45 | Xã Quốc Việt | 2.169,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 86 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 2.051 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 32,3 triệu đồng | |
| 46 | Xã Văn Quan | 168,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 78 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 90,8 triệu đồng | |
| 47 | Xã Điềm He | 275,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 179 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 96,9 triệu đồng | |
| 48 | Xã Tri Lễ | 345,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 123 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 222,3 triệu đồng | |
| 49 | Xã Yên Phúc | 351,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 192 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 159,6 triệu đồng | |
| 50 | Xã Tân Đoàn | 1.117,100 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 117 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 882 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 118,1 triệu đồng | |
| 51 | Xã Khánh Khê | 180,700 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 147 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 33,7 triệu đồng | |
| 52 | Xã Bình Gia | 389,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 94 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 295,3 triệu đồng | |
| 53 | Xã Tân Văn | 1.234,600 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 108 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 923 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 203,6 triệu đồng | |
| 54 | Xã Hồng Phong | 578,700 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 73 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 254 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 251,7 triệu đồng | |
| 55 | Xã Hoa Thám | 379,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 78 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 301,9 triệu đồng | |
| 56 | Xã Quý Hòa | 630,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 29 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 601,3 triệu đồng | |

| STT | Đơn vị | Dự toán bổ sung | Nội dung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 57 | Xã Thiện Hòa | 930,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 83 triệu đồng; Kinh phí di dời các hộ dân ra khỏi vùng thiên tai và vùng khó khăn tại xóm Khuổi Nà, thôn Yên Hùng: 441 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 406,4 triệu đồng | |
| 58 | Xã Thiện Thuật | 1.359,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 80 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 1.208 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 71,8 triệu đồng | |
| 59 | Xã Thiện Long | 776,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 78 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 698,4 triệu đồng | |
| 60 | Xã Bắc Sơn | 297,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 103 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ tổ chức các lễ hội/lễ hội truyền thống tiêu biểu tại các địa phương: 80 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 114,9 triệu đồng | |
| 61 | Xã Hưng Vũ | 325,400 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 88 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 237,4 triệu đồng | |
| 62 | Xã Vũ Lăng | 374,300 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 110 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 264,3 triệu đồng | |
| 63 | Xã Nhất Hòa | 328,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 93 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 235,9 triệu đồng | |
| 64 | Xã Vũ Lễ | 5.333,800 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 70 triệu đồng; Kinh phí khắc phục ảnh hưởng của cơn bão số 11 và mưa lũ sau bão đối với hệ thống đường xã trên địa bàn xã Vũ Lễ: 4.918 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 345,8 triệu đồng | |
| 65 | Xã Tân Tri | 542,900 | Kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (đợt 2): 161 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ phát triển thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước năm 2025 theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026: 126 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026: 255,9 triệu đồng | |